

**Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội -
Hưng Yên 89**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900270055, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 05 năm 2007. Công ty sau đó đã đăng ký sửa đổi và nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ bảy (07) cấp ngày 04 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Đường 206 Xã Trưng Trắc - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 862268989

Website : <https://habecotrading89.com.vn/>

Mã số thuế : 0900270055

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đặng Toàn	Chủ tịch
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên
Ông Phan Ngọc Anh	Thành viên
Ông Dương Như Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Việt	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Nghiệp	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Nghiệp	Giám đốc
Bà Đào Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Hà	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Nghiệp.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.

59
G
V
A
H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Nghiệp

Giám đốc

Hưng Yên, ngày 13 tháng 3 năm 2024



Số: 042/2023/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 02 năm 2023.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Trương Quang Trung - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 1752-2023-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 14 tháng 03 năm 2024

Bùi Duy Phương Thanh - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 5425-2020-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.582.921.874	62.056.621.140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	24.034.851.587	29.629.081.238
1 Tiền	111		8.949.317.340	9.392.987.520
2 Các khoản tương đương tiền	112		15.085.534.247	20.236.093.718
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.300.313.121	12.807.676.087
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	7.277.673.184	8.479.756.952
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	8.913.366.291	4.400.363.988
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	189.273.646	7.555.147
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(80.000.000)	(80.000.000)
III. Hàng tồn kho	140	9	22.850.690.612	18.674.590.203
1 Hàng tồn kho	141		22.850.690.612	18.674.590.203
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.397.066.554	945.273.612
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.211.819.219	904.576.995
2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		185.247.335	40.696.617
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		131.066.023.648	90.935.188.507
I. Tài sản cố định	220		71.626.654.756	79.599.816.490
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	71.626.654.756	79.599.816.490
- Nguyên giá	222		258.755.849.605	247.897.734.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(187.129.194.849)	(168.297.918.088)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	36.363.740.307	578.324.710
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36.363.740.307	578.324.710
III. Tài sản dài hạn khác	260		23.075.628.585	10.757.047.307
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	12	23.075.628.585	10.757.047.307
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.648.945.522	152.991.809.647

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		108.619.763.034	61.621.946.084
I. Nợ ngắn hạn	310		108.619.763.034	61.621.946.084
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	13.313.832.351	1.461.314.013
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.251.946.040	675.826.211
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	30.788.462.563	6.447.922.051
4 Phải trả người lao động	314		5.833.644.886	6.680.272.837
5 Phải trả ngắn hạn khác	319	16	56.207.177.675	45.966.657.808
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	-	-
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	1.224.699.519	389.953.164
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		87.029.182.488	91.369.863.563
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	87.029.182.488	91.369.863.563
1 Vốn cổ phần	411	19:2	60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		20.800.031.856	20.800.031.856
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.229.150.632	10.569.831.707
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.160.874.352	968.861.882
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.068.276.280	9.600.969.825
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.648.945.522	152.991.809.647


 Đỗ Tiến Dũng
 Người lập biểu


 Đào Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Nghiệp
 Giám đốc


Hưng Yên, ngày 13 tháng 3 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	253.151.940.531	224.767.490.585
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.507.025.208	9.075.500.094
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	244.644.915.323	215.691.990.491
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	21	182.252.095.632	150.229.064.018
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.392.819.691	65.462.926.473
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.964.468.414	846.116.608
7 Chi phí tài chính	22	23	216.369.053	135.686.575
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		90.539.726	75.801.990
8 Chi phí bán hàng	25	24	39.542.535.970	36.550.708.388
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	19.043.284.293	17.682.470.360
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.555.098.789	11.940.177.758
11 Thu nhập khác	31	26	117.053.140	797.807.686
12 Chi phí khác	32	26	445.321.933	592.302.248
13 Lợi nhuận khác	40	26	(328.268.793)	205.505.438
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.226.829.996	12.145.683.196
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28.1	1.158.553.716	2.544.713.371
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		4.068.276.280	9.600.969.825
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	649	1.299
18 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	649	1.299


 Đỗ Tiến Dũng
 Người lập biểu


 Đào Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng



Hưng Yên, ngày 13 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		5.226.829.996	12.145.683.196
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10	19.151.778.918	22.489.958.387
- Các khoản dự phòng	03		-	80.000.000
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.985.793.574)	(917.091.796)
- Chi phí lãi vay	06		90.539.726	75.801.990
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.483.355.066	33.874.351.777
- Tăng các khoản phải thu	09		(3.637.187.752)	(7.557.876.444)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(5.812.215.695)	2.606.909.443
- Tăng các khoản phải trả	11		47.500.578.283	1.280.727.791
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(12.625.823.502)	883.744.849
- Tiền lãi vay đã trả	14		(90.539.726)	(75.801.990)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(2.496.061.404)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		450.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.424.211.000)	(1.815.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.347.894.270	29.196.735.426
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(45.327.917.495)	(6.491.463.958)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		30.000.000	144.090.909
3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.955.793.574	805.533.307
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(43.342.123.921)	(5.541.839.742)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33	17	27.000.000.000	1.000.000.000
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(27.000.000.000)	(2.967.395.875)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.600.000.000)	(3.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.600.000.000)	(5.567.395.875)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.594.229.651)	18.087.499.809
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	29.629.081.238	11.541.581.429
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	24.034.851.587	29.629.081.238

Đỗ Tiến Dũng
Người lập biểu

Đào Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Nghiệp
Giám đốc

Hưng Yên, ngày 13 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900270055, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu vào ngày 14 tháng 05 năm 2007. Công ty sau đó đã đăng ký sửa đổi và nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ bảy (07) cấp ngày 04 tháng 4 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Đường 206 Xã Trưng Trắc - Huyện Văn Lâm - Tỉnh Hưng Yên.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 134 người
(ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 106 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

2.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán khác

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	6 - 10 năm

Trong năm 2023, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá và thay đổi thời gian khấu hao của các tài sản cố định là máy móc thiết bị để phù hợp với thời gian sử dụng của Tài sản cố định này. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 tăng khoảng 1.186.517.008 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như các năm trước.

3.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí hoạt động phát sinh trong năm.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn;
- Công cụ dụng cụ được phân bổ dần không quá 03 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9. Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ Đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.16. Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.304.115.612	2.534.260.443
Tiền gửi ngân hàng	6.645.201.728	6.858.727.077
Các khoản tương đương tiền (*)	15.085.534.247	20.236.093.718
TỔNG CỘNG	<u>24.034.851.587</u>	<u>29.629.081.238</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất bình quân khoảng từ 3,2% đến 4,7% một năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tắt toán tại ngày đáo hạn.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội	6.465.849.844	7.915.055.876
Phải thu các khách hàng khác	811.823.340	564.701.076
TỔNG CỘNG	7.277.673.184	8.479.756.952
Phải thu từ các bên liên quan <i>(Thuyết minh số 29)</i>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(80.000.000)	(80.000.000)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Thực phẩm An Vượng	1.418.648.000	495.539.000
Công ty TNHH Công nghệ Môi trường & Phát triển Bền Vững	986.129.600	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn kỹ thuật và công nghiệp Việt Nam	1.193.134.080	-
Công ty TNHH NAGAOKA Việt Nam	1.881.000.000	-
FINN - KORKKI	-	1.501.804.360
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	3.434.454.611	2.403.020.628
TỔNG CỘNG	8.913.366.291	4.400.363.988

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu	40.709.499	-
Phải thu khác	148.564.147	7.555.147
TỔNG CỘNG	189.273.646	7.555.147

8. NỢ XẤU

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Đối tượng nợ (*)</i>				
Công ty TNHH Chế tạo thiết bị công nghệ Thành Phát	80.000.000	-	80.000.000	-
TỔNG CỘNG	80.000.000	-	80.000.000	-

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại *Thuyết minh số 5*.

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	13.905.758.415	-	13.040.369.721	-
Công cụ, dụng cụ	4.151.621.172	-	1.398.001.843	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.532.447.463	-	3.951.507.527	-
Thành phẩm	224.798.234	-	147.003.192	-
Hàng hóa	36.065.328	-	137.707.920	-
TỔNG CỘNG	22.850.690.612	-	18.674.590.203	-

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	37.029.510.880	196.564.905.881	13.823.336.903	479.980.914	247.897.734.578
Mua trong năm	1.357.679.000	944.201.909	4.485.919.091	79.200.000	6.867.000.000
Xây dựng cơ bản	178.104.400	4.133.512.784	-	-	4.311.617.184
Thanh lý, nhượng bán	-	(320.502.157)	-	-	(320.502.157)
Số cuối năm	38.565.294.280	201.322.118.417	18.309.255.994	559.180.914	258.755.849.605
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	625.542.503	94.275.401.141	5.612.356.052	479.980.914	100.993.280.610
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	15.465.179.106	142.912.773.688	9.447.283.024	472.682.270	168.297.918.088
Khấu hao trong năm	2.718.099.755	15.093.141.694	1.322.309.792	18.227.677	19.151.778.918
Thanh lý, nhượng bán	-	(320.502.157)	-	-	(320.502.157)
Số cuối năm	18.183.278.861	157.685.413.225	10.769.592.816	490.909.947	187.129.194.849
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	21.564.331.774	53.652.132.193	4.376.053.879	7.298.644	79.599.816.490
Số cuối năm	20.382.015.419	43.636.705.192	7.539.663.178	68.270.967	71.626.654.756
Trong đó:					
Sử dụng để cầm cố/thế chấp	-	27.181.827.332	-	-	27.181.827.332

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 27.181.827.332 Đồng (31 tháng 12 năm 2022: 35.474.332.224 VND) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng ngắn hạn (tham chiếu Thuyết minh số 17)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cải tạo, mua sắm hình thành tài sản cố định	36.363.740.307	578.324.710
TỔNG CỘNG	36.363.740.307	578.324.710

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Giá trị còn lại của công cụ, vỏ keg bia	330.589.193	53.077.454
Chi phí sửa chữa, khác	881.230.026	851.499.541
TỔNG CỘNG	1.211.819.219	904.576.995

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dài hạn		
Giá trị còn lại của công cụ, vỏ keg bia	15.048.399.036	7.536.768.372
Chi phí khác	8.027.229.549	3.220.278.935
TỔNG CỘNG	23.075.628.585	10.757.047.307

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM và Vận tải Thái Duyên	1.783.143.558	1.783.143.558	-	-
KHS GmbH	4.061.685.563	4.061.685.563	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Đại Việt	2.478.405.211	2.478.405.211	-	-
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	784.834.998	784.834.998	-	-
Phải trả đối tượng khác	4.205.763.021	4.205.763.021	1.461.314.013	1.461.314.013
TỔNG CỘNG	13.313.832.351	13.313.832.351	1.461.314.013	1.461.314.013

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vương Tiến Luân	129.551.140	-
Công ty TNHH Dịch vụ Và Thương mại An Nguyên	59.402.862	82.180.142
Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.062.992.038	593.646.069
TỔNG CỘNG	1.251.946.040	675.826.211

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế Giá trị gia tăng	3.865.044	25.455.069.964	(11.789.191.657)	13.669.743.351
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	3.880.924.623	170.861.661.355	(158.830.447.206)	15.912.138.772
Thuế Xuất, Nhập khẩu	-	646.630.736	(646.630.736)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.483.322.134	1.158.553.716	(2.496.061.404)	1.145.814.446
Thuế Thu nhập cá nhân	79.810.250	834.969.819	(858.814.075)	55.965.994
Thuế Tài nguyên	-	139.520.000	(134.720.000)	4.800.000
Tiền thuê đất	-	161.785.350	(161.785.350)	-
Các loại thuế khác	-	5.883.219	(5.883.219)	-
TỔNG CỘNG	6.447.922.051	199.264.074.159	(174.923.533.647)	30.788.462.563

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền cược phải trả khách hàng	56.135.248.000	45.775.478.000
Các khoản phải trả khác	71.929.675	191.179.808
TỔNG CỘNG	56.207.177.675	45.966.657.808

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuế tài chính trong năm như sau:

	VND					
	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Phố Hiến	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-	-
Cộng	-	-	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-

18. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	389.953.164	1.202.352.263
Trích lập trong năm	1.808.957.355	1.002.920.901
Sử dụng trong năm	(1.424.211.000)	(1.815.320.000)
Tăng khác	450.000.000	-
Số cuối năm	<u>1.224.699.519</u>	<u>389.953.164</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	60.000.000.000	20.800.031.856	5.571.782.783	86.371.814.639
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.600.969.825	9.600.969.825
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	(1.002.920.901)	(1.002.920.901)
Chia cổ tức	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Số cuối năm	<u>60.000.000.000</u>	<u>20.800.031.856</u>	<u>10.569.831.707</u>	<u>91.369.863.563</u>
Năm nay				
Số đầu năm	60.000.000.000	20.800.031.856	10.569.831.707	91.369.863.563
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.068.276.280	4.068.276.280
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	(1.808.957.355)	(1.808.957.355)
Chia cổ tức	-	-	(6.600.000.000)	(6.600.000.000)
Số cuối năm	<u>60.000.000.000</u>	<u>20.800.031.856</u>	<u>6.229.150.632</u>	<u>87.029.182.488</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Hà Nội	3.000.000.000	5,00%	3.000.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	7.500.000.000	12,50%	7.500.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam	12.000.000.000	20,00%	12.000.000.000	20,00%
Công ty TNHH Hải Hà	6.700.000.000	11,17%	6.700.000.000	11,17%
Trương Thị Hòa	6.200.000.000	10,33%	6.200.000.000	10,33%
Vốn góp của các cổ đồng khác	24.600.000.000	41,00%	24.600.000.000	41,00%
TỔNG CỘNG	60.000.000.000	100,00%	60.000.000.000	100,00%

19.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Số cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000

19.4. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	6.000.000	6.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	253.151.940.531	224.767.490.585
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	10.799.701.767	4.363.342.481
<i>Doanh thu bán các thành phẩm</i>	241.011.600.615	220.404.148.104
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.340.638.149	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.507.025.208)	(9.075.500.094)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(8.507.025.208)	(9.075.500.094)
DOANH THU THUẦN	<u>244.644.915.323</u>	<u>215.691.990.491</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	10.799.701.767	4.363.342.481
<i>Doanh thu thuần bán các thành phẩm</i>	232.504.575.407	211.328.648.010
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	1.340.638.149	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	84.135.890.070	62.285.925.885
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	160.509.025.253	153.406.064.606

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.757.524.082	3.439.602.801
Giá vốn của thành phẩm đã bán	171.121.780.110	146.789.461.217
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.372.791.440	-
TỔNG CỘNG	<u>182.252.095.632</u>	<u>150.229.064.018</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.955.793.574	805.533.307
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.674.840	40.583.301
TỔNG CỘNG	<u>1.964.468.414</u>	<u>846.116.608</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	90.539.726	75.801.990
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	125.829.327	59.884.585
TỔNG CỘNG	<u>216.369.053</u>	<u>135.686.575</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên bán hàng	6.373.632.457	5.805.149.282
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	22.273.066.937	21.427.384.675
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	442.668.229	547.088.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.100.688.928	4.608.342.004
Chi phí bán hàng khác	2.352.479.419	4.162.744.247
TỔNG CỘNG	<u>39.542.535.970</u>	<u>36.550.708.388</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên quản lý	7.729.192.394	7.714.903.397
Chi phí đồ dùng văn phòng	749.457.929	846.906.716
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.030.377.840	729.115.786
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.414.239.674	5.482.384.617
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.120.016.456	2.909.159.844
TỔNG CỘNG	<u>19.043.284.293</u>	<u>17.682.470.360</u>

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	30.000.000	111.558.489
Các khoản khác	87.053.140	686.249.197
	117.053.140	797.807.686
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(51.239.194)	(3.371.208)
Các khoản khác	(394.082.739)	(588.931.040)
	(445.321.933)	(592.302.248)
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	(328.268.793)	205.505.438

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.464.279.782	120.357.286.694
Chi phí nhân công	30.329.556.604	28.160.399.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.151.778.918	22.489.958.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.292.108.666	22.006.969.309
Các chi phí khác	5.679.075.443	7.877.294.129
TỔNG CỘNG	231.916.799.413	200.891.908.076

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.226.829.996	12.145.683.196
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	565.938.585	577.883.658
Tổng lợi nhuận chịu thuế	5.792.768.581	12.723.566.854
Thu nhập tính thuế	5.792.768.581	12.723.566.854
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất	1.158.553.716	2.544.713.371
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.158.553.716	2.544.713.371

28.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần TM Bia Hà Nội	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hải Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam	Cổ đông lớn
Trương Thị Hòa	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	Bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần TM Bia Hà Nội	Chia cổ tức	825.000.000	450.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Hà Nội	Mua hàng	3.395.814.000	2.411.367.000
	Bán thành phẩm, hàng hóa	33.930.682.393	23.756.685.273
Trong đó:	- Doanh thu đã bao gồm thuế TTĐB	75.191.573.800	54.454.038.240
	- Thuế TTĐB	41.260.891.407	30.697.352.967
	Phí lixang	5.298.854.057	5.549.008.470
	Nhận tiền thưởng	450.000.000	600.000.000
	Cổ tức	330.000.000	180.000.000
	Nhận VDQC hỗ trợ		36.609.197
Công ty TNHH Hải Hà	Bán thành phẩm, hàng hóa	5.420.797.739	4.746.598.573
Trong đó:	- Doanh thu đã bao gồm thuế TTĐB	8.944.316.270	7.831.887.645
	- Thuế TTĐB	3.523.518.531	3.085.289.072
	Cổ tức	737.000.000	402.000.000
Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam	Cổ tức	1.320.000.000	720.000.000
Trương Thị Hòa	Cổ tức	647.900.000	372.000.000
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	Mua hàng	9.480.800.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Tổng Công Ty Cổ Phần Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	6.465.849.844	7.915.055.876
TỔNG CỘNG	6.465.849.844	7.915.055.876
<i>Phải trả người bán</i>		
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội	784.834.998	-
TỔNG CỘNG	784.834.998	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS"), Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

<i>Họ và Tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Nội dung</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc				
Nguyễn Đăng Toàn	Chủ tịch HĐQT	Lương, thưởng	1.094.075.000	1.131.879.980
Phạm Trung Kiên	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.000.000	75.000.000
		Lương, thưởng	30.000.000	90.000.000
Phan Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.000.000	75.000.000
		Lương, thưởng	30.000.000	90.000.000
Dương Như Quang	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.000.000	75.000.000
		Lương, thưởng	30.000.000	90.000.000
Nguyễn Hải Quân	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.000.000	75.000.000
		Lương, thưởng	30.000.000	90.000.000
Nguyễn Văn Việt	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.000.000	75.000.000
		Lương, thưởng	30.000.000	90.000.000
Nguyễn Quang Nghiệp	Thành viên HĐQT	Thù lao	45.000.000	75.000.000
		Giám đốc	785.169.504	839.389.008
Đào Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc/ Kế toán trưởng	Lương, thưởng	696.018.060	670.666.567
			613.815.000	601.685.769
Ông Phạm Ngọc Hà	Phó giám đốc	Lương, thưởng	613.815.000	601.685.769

Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng ban	Lương, thưởng	223.995.298	237.088.106
Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	Thù lao	21.000.000	30.000.000
Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Thù lao	21.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG			3.875.072.862	4.440.709.430

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế (VND)	4.068.276.280	9.600.969.825
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	(172.901.742)	(1.808.957.355)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.895.374.538	7.792.012.470
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	6.000.000	6.000.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
<i>Lãi cơ bản</i>	649	1.299
<i>Lãi suy giảm</i>	649	1.299

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2022 từ 1.456 VND/cổ phiếu xuống 1.299 VND/cổ phiếu để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 04 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 04 năm 2023.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Đỗ Tiến Dũng
Người lập biểu



Đào Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Nghiệp
Giám đốc

Hưng Yên, ngày 13 tháng 3 năm 2024

